

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC HÒA  
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 36/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-02-2025  
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông La Văn Việt
- Bà Trần Thị Đới.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1493/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Vũ T, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Vũ T trình bày tóm tắt như sau:

Do quen biết và được hai bên gia đình đồng ý nên vào năm 1995 ông và bà Lê Thị Ngọc H đã xác lập quan hệ vợ chồng, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên ông yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, ông và bà H có 02 con chung tên Lê Vũ L, sinh ngày 11/9/1995 và Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 27/01/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, ông T xác định ông và bà H không có nợ chung.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lê Thị Ngọc H trình bày tóm tắt như sau:*

Qua lời trình bày của ông Lê Vũ T về thời gian, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn bà thống nhất. Bà và ông T không đăng ký kết hôn. Ông bà đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm không còn nữa, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nên bà đồng ý với yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của ông T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà và ông T có 02 con chung tên Lê Vũ L, sinh ngày 11/9/1995 và Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 27/01/2003. Hiện các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Bà không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Quá trình chung sống, bà H xác định bà và ông T không có nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ông Lê Vũ T khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với bà Lê Thị Ngọc H, địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện Đ, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Vũ T và bị đơn bà Lê Thị Ngọc H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1995, có với nhau 02 con chung nhưng không đăng ký kết hôn, phù hợp với xác nhận của UBND xã L, huyện Đ, tỉnh Long An tại Đơn xác nhận đề ngày 19/11/2024 nên hôn nhân giữa ông T và bà H không phải là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Quá trình chung sống, ông T và bà H thống nhất trình bày thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc, thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Ông bà đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Ông T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với bà T và bà T cũng đồng ý. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Vũ T và bà Lê Thị Ngọc H.

[3.2] Về nuôi con chung: Ông T và bà H đều xác định quá trình chung sống ông bà có 02 (hai) con chung tên Lê Vũ L, sinh ngày 11/9/1995 và Lê Thị Ngọc L1, sinh ngày 27/01/2003. Ông bà xác định hiện các con chung đã trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự và không bị mất khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về chia tài sản, nợ chung: Ông T và bà H không tranh chấp về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và ông bà xác định quá trình chung sống không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Lê Vũ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 207, Điều 208, Điều 211, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Vũ T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lê Vũ T và bà Lê Thị Ngọc H.

2. Về án phí: Ông Lê Vũ T phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng khấu trừ 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006973 ngày 05/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Ông T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Thúy Hồng**